

Số: 02/2026/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 12 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Thư ký phiên họp: Bà Lò Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên họp: Ông Hà Văn Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 16-01-2026 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02-02-2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lò Văn M, sinh ngày 24/01/1995; Địa chỉ cư trú: Bản N, xã MC, tỉnh Sơn La; (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Chị Lò Thị P, sinh ngày 16/9/1995; Địa chỉ cư trú: Bản N, xã MC, tỉnh Sơn La; (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La; Địa chỉ trụ sở: Bản MN, xã MN, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quốc Việt – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La; (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai của anh Lò Văn M và chị Lò Thị P trình bày:

Ngày 17/10/2013 anh Lò Văn M và chị Lò Thị P đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La). Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Lò Thị P đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng anh Lò Văn M chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định nên đã khai tăng tuổi từ sinh ngày 24/01/1995 thành sinh ngày 10/02/1994

để được đăng ký kết hôn, tại thời điểm đó anh Lò Văn M cũng không cung cấp chứng minh thư nhân dân hay bất kỳ giấy tờ cá nhân gì khác cho cán bộ đăng ký.

Sau khi kết hôn, giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị P sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến nay và đã có 03 con chung là cháu Lò Văn T, sinh ngày 13/01/2016; cháu Lò Thị Th, sinh ngày 20/8/2017 và cháu Lò Thị X (tên khai sinh dự kiến), sinh ngày 08/12/2025 theo giấy chứng sinh số 02218.GCS.14001.25 của bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La cấp. Do nhận thức pháp luật còn hạn chế, để thực hiện được việc đăng ký kết hôn của mình nên anh M đã khai ngày tháng năm sinh không chính xác dẫn đến ảnh hưởng đến giấy tờ pháp lý cá nhân, ảnh hưởng đến cuộc sống, hiện nay chưa đăng ký khai sinh được cho cháu Lò Thị X. Vì vậy, anh M, chị P đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị P do Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã MN, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, quyển số 03, ngày 17/10/2013 và công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị từ thời điểm anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định là ngày 24/01/2015.

Quá trình giải quyết vụ việc Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La trình bày:

Tại kết quả làm việc ngày 27/01/2026, do Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La cho biết: theo Sổ đăng ký kết hôn năm 2013 lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La), tại số 17/2013 ngày 17/10/2013 có đăng ký kết hôn cho anh Lò Văn M, sinh ngày 10/02/1994, dân tộc Thái, quốc tịch Việt Nam, nơi thường trú bản Lọng Măn, xã MC, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và chị Lò Thị P, sinh ngày 16/9/1995, dân tộc Thái, quốc tịch Việt Nam, nơi thường trú bản Lè, xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Ngoài sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn thì không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn của anh M, chị P. Tại thời điểm năm 2013 anh Lò Văn M tự kê khai thông tin cá nhân của mình, nên anh M đã cố tình khai thông tin sai về ngày tháng năm sinh để đủ tuổi đăng ký kết hôn và không nộp kèm theo giấy tờ tùy thân gì khác cho cán bộ đăng ký, nên dẫn tới thời điểm cấp Giấy chứng nhận kết hôn, thì anh Lò Văn M sinh ngày 10/02/1994 không trùng khớp với ngày tháng năm sinh trên thực tế của anh M. Nay anh Lò Văn M và chị Lò Thị P đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh M, chị P từ thời điểm anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, thì Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết việc dân sự anh Lò Văn M xác định: Theo các tài liệu anh M cung cấp, Tòa án thu thập tại các giấy tờ như Giấy khai sinh của anh Lò Văn M, Xác nhận thông tin cư trú do Công an xã MC, tỉnh Sơn La cấp, Căn cước công dân do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021, anh Lò Văn M, sinh ngày 24/01/1995 và anh Lò Văn M, sinh ngày 10/02/1994 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số 03,

ngày 17/10/2013 do Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã MN, tỉnh Sơn La) cấp là một người.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La thụ lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân theo yêu cầu của anh Lò Văn M và chị Lò Thị P là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi phiên họp: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, 370, 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn M và chị Lò Thị P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, quyền số 03 được Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La) cấp ngày 17/10/2013 và Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn M, sinh ngày 24/01/1995 và chị Lò Thị P, sinh ngày 16/9/1995 kể từ ngày anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 24/01/2015.

Về lệ phí: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị P phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu của anh Lò Văn M và chị Lò Thị P thì đây là việc dân sự “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân”. Xét thấy việc đăng ký kết hôn trên được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La) theo quy định tại Điều 29, Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Sơn La.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Xác định thời điểm kết hôn trên cơ sở tự nguyện giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị P được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyền số 03 được Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La) cấp ngày 17/10/2013. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đã được thẩm tra tại phiên họp xác định được ngày tháng năm sinh đúng của anh Lò Văn M là ngày 24/01/1995 và của chị Lò Thị P là ngày 16/9/1995, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Lò Thị P đã 18 tuổi 0 tháng 28 ngày, anh Lò Văn M mới 18 tuổi 08 tháng 23 ngày. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì anh Lò Văn M đã vi phạm quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn. Nay anh Lò Văn M và chị Lò Thị P yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Từ khi đăng ký kết hôn đến thời điểm hiện nay, anh Lò Văn M và chị Lò Thị P vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 03 con chung. Anh Lò Văn M và chị Lò Thị P đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 24/01/2015. Xét thấy, tại thời điểm ngày 24/01/2015 anh Lò Văn M và chị Lò Thị P đã đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị P từ thời điểm anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 24/01/2015.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Lò Văn M và chị Lò Thị P về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân.

Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, quyển số 03, ngày 17/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã BL, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MN, tỉnh Sơn La) đã cấp cho anh Lò Văn M và chị Lò Thị P.

Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn M, sinh ngày 24/01/1995 và chị Lò Thị P, sinh ngày 16/9/1995 kể từ thời điểm anh Lò Văn M đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 24/01/2015.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị P phải nộp mỗi người là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Được khấu trừ vào số 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000098, ngày 16/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Sơn La. Anh Lò Văn M và chị Lò Thị P đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã MN, tỉnh Sơn La;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Văn Tiến Dũng

